

Số: /HD-STTTT

Nghệ An, ngày tháng 6 năm 2023

HƯỚNG DẪN

Thực hiện các nội dung Tiêu chí thông tin và truyền thông trong các Bộ tiêu chí xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 319/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới; quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 1563/QĐ-UBND ngày 07/6/2022 của UBND tỉnh về việc quy định các nội dung, tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu; huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 1595/QĐ-UBND ngày 08/6/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 1127/QĐ-BTTTT ngày 22/6/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông công bố các chỉ tiêu thuộc tiêu chí thông tin và truyền thông của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025.

Sở Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện các nội dung Tiêu chí thông tin và truyền thông trong các Bộ tiêu chí xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 với các nội dung sau:

PHẦN I. HƯỚNG DẪN CHUNG

I. Giải thích một số từ ngữ

1. *Thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử*: là việc cơ quan, tổ chức, cá nhân tiến hành toàn bộ hoặc một số bước thực hiện thủ tục hành chính, thủ tục giải quyết công việc bằng phương tiện điện tử thông qua các dịch vụ công trực tuyến.

2. *Dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước* là dịch vụ hành chính công và các dịch vụ khác của cơ quan nhà nước được cung cấp cho các tổ chức, cá nhân trên môi trường mạng.

a) *Dịch vụ công trực tuyến toàn trình (thuật ngữ ban đầu là Dịch vụ công trực tuyến mức độ 4)*: là dịch vụ bảo đảm cung cấp toàn bộ thông tin về thủ tục hành chính, việc thực hiện và giải quyết thủ tục hành chính đều được thực hiện trên môi trường mạng. Việc trả kết quả được thực hiện trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

b) *Dịch vụ công trực tuyến một phần (thuật ngữ ban đầu là Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3)*: là dịch vụ công trực tuyến không bảo đảm các điều kiện quy định tại điểm a khoản này.

3. *Cổng thông tin điện tử* là điểm truy cập của cơ quan trên môi trường mạng, liên kết, tích hợp các kênh thông tin, các dịch vụ và các ứng dụng mà qua đó người dùng có thể khai thác, sử dụng và cá nhân hóa việc hiển thị thông tin.

4. *Mạng LAN (Local Area Network - Mạng máy tính nội bộ)*: là một hệ thống mạng dùng để kết nối các máy tính trong một phạm vi nhỏ (nhà ở, phòng làm việc, trường học, ...). Các máy tính trong mạng LAN có thể chia sẻ tài nguyên với nhau, mà điển hình là chia sẻ tập tin, máy in, máy quét và một số thiết bị khác.

5. *Xuất bản phẩm*: là tác phẩm, tài liệu về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục và đào tạo, khoa học, công nghệ, văn học, nghệ thuật được xuất bản thông qua nhà xuất bản hoặc cơ quan, tổ chức được cấp giấy phép xuất bản bằng các ngôn ngữ khác nhau, bằng hình ảnh, âm thanh và được thể hiện dưới các hình thức sau đây:

- a) Sách in;
- b) Sách chữ nổi;
- c) Tranh, ảnh, bản đồ, áp-phích, tờ rời, tờ gấp;
- d) Các loại lịch;
- đ) Bản ghi âm, ghi hình có nội dung thay sách hoặc minh họa cho sách.

6. Địa chỉ số¹

- *Địa chỉ số* là tập hợp thông tin nhằm xác định vị trí, tọa độ của một địa danh hoặc một đối tượng bất kỳ gắn liền với đất (gọi chung là *Đối tượng được gán địa chỉ số*).

- *Đối tượng được gán địa chỉ số* (gọi tắt là *đối tượng*) là nhà ở, trụ sở, cơ sở sản xuất kinh doanh, công trình xây dựng, địa danh hoặc bất cứ cấu trúc vật lý gắn liền với đất nào cần xác định vị trí để phục vụ nhu cầu đa dạng của người dân, doanh nghiệp, nhà nước và toàn xã hội.

- *Mã địa chỉ số* được biểu diễn dưới dạng ký tự số, dễ nhớ, dễ sử dụng, đảm bảo tính duy nhất và có thể thay thế địa chỉ hành chính (nếu cần).

- *Độ tuổi lao động* tối thiểu của người lao động là đủ 15 tuổi, trừ trường hợp quy định tại Mục 1 Chương XI của Bộ Luật Lao động số 45/2019/QH14.

II. Một số chỉ dẫn thực hiện:

- Bản Hướng dẫn này liệt kê đầy đủ các nội dung, tiêu chí về thông tin và truyền thông trong các Bộ tiêu chí của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông và của UBND tỉnh do UBND tỉnh giao Sở Thông tin và Truyền thông hướng dẫn.

- Việc tổ chức thực hiện phải đáp ứng các quy định hiện hành của nhà nước đối với từng nội dung tiêu chí.

- Trên cơ sở Hướng dẫn này, các huyện, thành phố, thị xã có thể quy định cụ thể hơn (nếu có) và hướng dẫn các xã triển khai thực hiện phù hợp với tình hình thực tế.

- Đối với Hồ sơ minh chứng từng cấp độ, mức độ thực hiện, phải có Báo cáo tự thẩm định của cấp xây dựng nông thôn mới, báo cáo thẩm tra của cấp trên trực tiếp hướng dẫn (*ví dụ, hồ sơ minh chứng xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao phải có Báo cáo tự thẩm định nội dung thông tin và truyền thông của xã; Báo cáo thẩm tra của huyện*).

PHẦN II. HƯỚNG DẪN CỤ THỂ

(Có các Phụ lục kèm theo)

PHẦN III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Hướng dẫn này thay thế Hướng dẫn số 1246/HD-STTTT ngày 02/8/2022 của Sở Thông tin và Truyền thông về thực hiện các nội dung Tiêu chí thông tin và truyền thông trong các Bộ tiêu chí xây dựng nông thôn mới giai

¹ Quyết định số 392/QĐ-BTTTT ngày 02/3/2022 phê duyệt Kế hoạch phát triển Nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số.

đoạn 2021-2025 (phiên bản 1.0).

2. Phòng Văn hóa và Thông tin các huyện, thành phố, thị xã:

a) Triển khai Hướng dẫn này đến UBND các xã, các doanh nghiệp, đơn vị hoạt động bưu chính, viễn thông đóng trên địa bàn.

b) Hướng dẫn, giúp các xã thực hiện các nội dung theo Hướng dẫn này.

c) Hướng dẫn các doanh nghiệp, đơn vị bưu chính, viễn thông hoạt động trên địa bàn thực hiện tiêu chí theo quy định.

d) Hướng dẫn UBND các xã đã về đích Nông thôn mới các cấp độ giai đoạn 2010-2022 tiếp tục rà soát, xây dựng các nội dung, tiêu chí theo Hướng dẫn này.

đ) Báo cáo tình hình thực hiện tiêu chí thông tin và truyền thông tại địa phương cho Sở Thông tin và Truyền thông theo quy định.

3. Các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông trong quá trình phát triển hạ tầng, mạng lưới, dịch vụ cần đáp ứng yêu cầu tối thiểu về kỹ thuật, chất lượng dịch vụ bưu chính, viễn thông theo quy định, trong đó lưu ý:

- Các doanh nghiệp viễn thông triển khai đầu tư cơ sở hạ tầng, cung cấp dịch vụ đi đôi với việc hạ ngầm, chỉnh trang mạng cáp đảm bảo an toàn mạng lưới, mỹ quan khu vực nông thôn.

- Bưu điện tỉnh tập trung nâng cấp cơ sở vật chất các điểm phục vụ bưu chính; triển khai các dịch vụ mới tại các điểm phục vụ bưu chính, nhất là tham gia cung cấp các dịch vụ hành chính công, dịch vụ công trực tuyến. Chủ trì hướng dẫn việc thu thập thông tin địa chỉ số cho các xã; phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông cập nhật, bổ sung dữ liệu địa chỉ số lên Nền tảng địa chỉ số quốc gia.

Nơi nhân:

- Bộ TT&TT;
 - UBND tỉnh;
 - VPĐP CTMTQG XD NTM tỉnh;
 - UBND các huyện, thành, thị;
 - Các DN Bưu chính, Viễn thông;
 - Ban Giám đốc Sở;
 - Văn phòng Sở, P.TT-BC-XB;
 - Công TTĐT Sở TT&TT (đăng tải);
 - Lưu VT, CDS.
- } (để bc).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Võ Trọng Phú

PHỤ LỤC I

Hướng dẫn thực hiện các nội dung, tiêu chí về xã nông thôn mới

(Kèm theo Hướng dẫn số /HD-STTTT ngày tháng năm 2023 của Sở Thông tin và Truyền thông)

TT	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu tiêu chí	Hướng dẫn thực hiện	Tài liệu minh chứng
8.1	Xã có điểm phục vụ bưu chính			
<i>a</i>	<i>Về cơ sở vật chất</i>			
-	Có mặt bằng, trang thiết bị phù hợp với hình thức tổ chức cung ứng và nhu cầu sử dụng dịch vụ bưu chính tại địa phương	Đạt	Mặt bằng được cấp, mượn hoặc thuê hợp pháp như: có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; hợp đồng hoặc văn bản cho thuê, mượn...; khuôn viên, nhà cửa sạch sẽ, bảo đảm mỹ quan; có trang bị các thiết bị tối thiểu theo quy định của ngành bưu chính (quầy, kệ, bàn ghế, cân, máy tính, kết nối internet, tủ sách báo...).	- Bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc các giấy tờ chứng minh việc sở hữu, mượn, thuê đất. - Bản sao Hợp đồng lao động giữa Bưu điện và nhân viên điểm phục vụ bưu chính.
-	Có treo biển tên phục vụ	Đạt	Biển tên có tên điểm phục vụ, địa chỉ, số điện thoại; các thông tin khác (nếu có) bảo đảm rõ ràng, dễ nhìn, dễ đọc.	- Ảnh chụp ngoài, trong, thể hiện rõ tổng thể điểm phục vụ bưu chính, các bảng niêm yết thông tin... - Danh mục các thiết bị tối thiểu theo quy định của ngành bưu chính.
-	Niêm yết giờ mở cửa phục vụ và các thông tin về dịch vụ bưu chính cung ứng tại điểm phục vụ	Đạt	Có biển niêm yết giờ mở cửa treo ở vị trí dễ nhận biết; niêm yết đầy đủ các thông tin theo quy định của ngành bưu chính (chất lượng dịch vụ, giá cước, danh mục hàng cấm gửi, quy trình khiếu nại...).	
-	Thời gian mở cửa phục vụ phải đảm bảo tối thiểu 4 giờ/ngày làm việc	Đạt	Phục vụ tối thiểu 04 giờ các ngày làm việc trong tuần; khuyến khích làm việc ngày Thứ 7 và Chủ nhật đối với các điểm có số lượng giao dịch lớn.	
<i>b</i>	<i>Về dịch vụ: Tại điểm phục vụ, đảm bảo cung cấp các dịch vụ</i>			
-	Dịch vụ thư có địa chỉ nhận, khối lượng đơn chiếc đến 02 kg	Đạt	- Bảo đảm cung cấp dịch vụ đầy đủ theo quy định của doanh nghiệp như về giá cước, chất lượng dịch vụ, an toàn, an ninh... - Khuyến khích cung cấp đa dịch vụ, dịch vụ chuyển phát hồ sơ thủ	- Bản sao một số hóa đơn của hai loại hình dịch vụ cung cấp tại điểm phục vụ bưu chính.

-	Dịch vụ gói, kiện hàng hóa có khối lượng đơn chiếc đến 05 kg	Đạt	tục hành chính, dịch vụ truyền thông, đọc sách báo miễn phí, hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp cho người dân.	- Các tài liệu khác nếu có.
8.2	Xã có dịch vụ viễn thông, internet			
a	Tất cả các thôn, bản trên địa bàn xã có khả năng đáp ứng nhu cầu sử dụng ít nhất một trong hai dịch vụ điện thoại: trên mạng viễn thông cố định mặt đất hoặc trên mạng viễn thông di động mặt đất ² và ít nhất một trong hai loại dịch vụ truy nhập Internet: trên mạng băng rộng cố định mặt đất hoặc trên mạng băng rộng di động mặt đất ³	Đạt	- Bảo đảm 100% thôn, bản trên địa bàn xã được phủ sóng thông tin di động 2G, 3G/4G; - Khu vực trung tâm xã và các thôn, bản lân cận được phủ internet cáp quang; phân đầu 100% các thôn, bản được phủ internet cáp quang. - Có hạ tầng sẵn sàng cung cấp dịch vụ điện thoại cố định khi tổ chức, cá nhân có yêu cầu lắp đặt.	Danh mục các thôn được cung cấp dịch vụ viễn thông, internet có xác nhận của Trưởng thôn và doanh nghiệp viễn thông. Biểu cung cấp có dạng sau: TT Tên thôn Sóng 2G Sóng 4G/5G Internet cáp quang Ghi chú Trưởng thôn ký tên <i>DN ký, đóng dấu Xã ký, đóng dấu</i>
b	Dịch vụ viễn thông, Internet trên địa bàn xã phải đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành	Đạt	Bảo đảm các dịch vụ viễn thông, internet đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành theo từng thời kỳ	
8.3	Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn, bản			

² Điện thoại cố định hoặc điện thoại di động (2G).

³ Internet cáp quang hoặc cáp đồng hoặc Internet di động 3G, 4G, 5G.

a	Xã có đài truyền thanh theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông	Đạt	<ul style="list-style-type: none"> - Đối với đài truyền thanh không dây FM: Máy phát phải có tần số nằm trong dải tần số 54-68MHz, có Giấy phép sử dụng tần số do Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực VI cấp đang còn hiệu lực. Thiết bị máy phát phải có Giấy chứng nhận hợp quy, dán tem hợp quy theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông. - Đối với đài truyền thanh xã dựa trên ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông: thực hiện theo Thông tư số 39/2020/TT-BTTTT ngày 24/11/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý đài truyền thanh cấp xã ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông. 	<ul style="list-style-type: none"> - Bản sao Hồ sơ đầu tư đài truyền thanh. - Giấy phép sử dụng tần số (đối với Đài truyền thanh không dây FM) - Danh mục cụm loa (Tên thôn Số cụm) - Sơ đồ bố trí cụm loa trên nền bản đồ của xã (Bản A3 hoặc A4, bảo đảm rõ ranh giới thôn, vị trí cụm loa; In hoặc vẽ tay)
b	Có ít nhất 2/3 số thôn, bản trong xã có hệ thống loa hoạt động	Đạt	Hệ thống loa hoạt động ổn định; kết nối được với hệ thống đài truyền thanh xã	
8.4	Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành			
a	Tỷ lệ máy vi tính/số cán bộ, công chức của xã đạt 100%	Đạt	100% cán bộ, công chức có máy tính sử dụng, được kết nối internet, mạng truyền số liệu chuyên dùng, bảo đảm an toàn thông tin	<ul style="list-style-type: none"> - Danh sách CBCC xã có máy tính: (TT Tên CBCC Chức danh Loại máy tính Tình trạng hoạt động (Tốt/TB/kém) - Sơ đồ kết nối mạng LAN của xã
b	Xã có sử dụng ít nhất 04 phần mềm ứng dụng sau			
-	Hệ thống quản lý văn bản và điều hành (VNPT-iOffice)	Đạt	<ul style="list-style-type: none"> Bảo đảm các chỉ tiêu sau đây⁴: - Tối thiểu 95% người dùng sử dụng thường xuyên - Số lượng văn bản đến tồn chưa duyệt trên hệ thống: Không quá 100 văn bản. - Tỷ lệ văn bản đến lãnh đạo duyệt trên phần mềm Quản lý văn bản và điều hành: tối thiểu 90%. - Tỷ lệ văn bản đi được ký số trên phần mềm: Tối thiểu 80%. 	<ul style="list-style-type: none"> Báo cáo trích xuất từ Hệ thống VNPT-iOffice (có xác nhận của người trích xuất, UBND xã): - Phụ lục 1: Từ ngày 01/01 - 31/12 của năm đăng ký về đích; - Phụ lục 2: Từ khi sử dụng đến thời điểm trích xuất báo cáo.

⁴ Các chỉ tiêu này thực hiện theo QĐ số 30/2021/QĐ-UBND ngày 29/9/2021 của UBND tỉnh về ban hành quy định đánh giá, xếp hạng công tác cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Nghệ An. Trong trường hợp có văn bản thay thế hoặc có điều chỉnh, bổ sung thì thực hiện theo hướng dẫn mới.

-	Hệ thống thư điện tử chính thức của cơ quan nhà nước	Đạt	Có hệ thống thư điện tử của xã do cơ quan nhà nước triển khai (tên miền “.gov.vn”).	Danh sách địa chỉ thư điện tử công vụ của xã; của các CBCC (có xác nhận của xã).
-	Hệ thống Thông tin giải quyết thủ tục hành chính	Đạt	- Đáp ứng các yêu cầu tại các điểm (2), (3) mục “Chỉ tiêu 15.1” trong Công văn số 1136/VPUB-KSTT ngày 25/11/2022 của Văn phòng UBND tỉnh về việc hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 ⁵ . - Đạt các chỉ tiêu thực hiện tối thiểu theo điểm c mục 8.4 Phụ lục này.	- Các tài liệu về việc đào tạo, bồi dưỡng về CNTT, sử dụng phần mềm Hệ thống thông tin giải quyết TTHC. - Các tài liệu theo điểm c mục 8.4 Phụ lục này.
-	Cổng/trang thông tin điện tử có chức năng cung cấp thông tin phục vụ công tác quản lý, điều hành và cung cấp dịch vụ công trực tuyến	Đạt	- Sử dụng tên miền cấp 5 có dạng: tenphuongxa.tenquanhuyen.tentinhthanh.gov.vn, trong đó tenphuongxa là tên đầy đủ của xã, phường, thị trấn bằng tiếng Việt không dấu ⁶ . - Yêu cầu về cổng/trang thông tin điện tử; những thông tin chủ yếu của cổng/trang thông tin điện tử phải đáp ứng khoản 1, khoản 2 Điều 28 Luật Công nghệ thông tin. - Việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên Cổng/trang thông tin điện tử của xã thực hiện theo Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng. - Tích hợp đường dẫn (link) các phần mềm có kết nối internet phục vụ quản lý, điều hành của xã.	- Hồ sơ thiết lập cổng/trang thông tin điện tử; Tên miền của cổng/trang thông tin điện tử. - Ảnh chụp màn hình giao diện Trang chủ, một số giao diện cấp 2.
c	Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của xã đạt tối thiểu	Đạt	- Thực hiện theo Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà	- Báo cáo trích xuất từ hệ thống Cổng dịch vụ công có xác nhận của người trích xuất, UBND. - Ảnh chụp màn hình kết quả

⁵ CV 1136/VPUB-KSTT: (2) Cán bộ, công chức, viên chức trực tiếp tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ ứng dụng công nghệ thông tin (có chứng chỉ tin học ứng dụng theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông); tập huấn sử dụng phần mềm Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính (được cử và tham gia các lớp tập huấn nội dung có liên quan do cấp trên tổ chức) đáp ứng được yêu cầu tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho tổ chức, cá nhân. (3) Thực hiện tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua Cổng Dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh.

⁶ Đối với các xã đã thiết lập cổng/trang TTĐT có tên miền khác cấu trúc này, phải chuyển đổi tên miền bảo đảm cấu trúc theo quy định.

	30%		<p>nước giai đoạn 2021-2030; Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/03/2021 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.</p> <p>- Chỉ tiêu thực hiện tối thiểu: Năm 2023: 30%; Năm 2024: 40%; Năm 2025: 50%.</p> <p>- Cách tính: Tỷ lệ (%) = x100</p>	<p>thực hiện trên Bản đồ thực thi thể chế của Công dịch vụ công quốc gia:</p> <p>(1) Truy cập: https://dichvucong.gov.vn. (2) Vào mục Kết quả đánh giá Bộ chỉ số phục vụ người dân và doanh nghiệp của bộ, ngành, địa phương; (3) Chọn mục Dịch vụ công trực tuyến trong ô <u>Nhóm chỉ tiêu</u>; (4) Chọn địa phương trên bản đồ.</p>
--	-----	--	---	---

PHỤ LỤC II

Hướng dẫn thực hiện các nội dung, tiêu chí về xã nông thôn mới nâng cao⁷

(Kèm theo Hướng dẫn số /HD-STTTT ngày tháng năm 2023 của Sở Thông tin và Truyền thông)

TT	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu tiêu chí	Hướng dẫn thực hiện	Tài liệu minh chứng
8.1	Điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân			
	Ngoài việc đáp ứng các điều kiện của xã đạt chuẩn nông thôn mới, điểm phục vụ bưu chính tại xã phải có khả năng phục vụ nhu cầu sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân.	Đạt	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm phục vụ bưu chính được trang bị hệ thống máy tính có kết nối internet, máy quét (hoặc thiết bị có chức năng đáp ứng việc chụp, quét tài liệu bảo đảm rõ nét, đọc được). - Nhân viên điểm phục vụ được đào tạo, tập huấn nghiệp vụ cung cấp dịch vụ công trực tuyến để hỗ trợ, hướng dẫn người dân thực hiện dịch vụ công trực tuyến. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các hồ sơ như Phụ lục I Hướng dẫn này (được củng cố, rà soát đầy đủ theo Bộ tiêu chí giai đoạn 2021-2025). - Hồ sơ chứng minh việc trang bị đầy đủ các thiết bị theo quy định (ảnh chụp, danh mục thiết bị có xác nhận của điểm phục vụ bưu chính...). - Hồ sơ chứng minh việc nhân viên điểm phục vụ bưu chính được tập huấn nghiệp vụ cung cấp dịch vụ công trực tuyến (do chính quyền hoặc Bưu điện cấp tỉnh, cấp huyện tập huấn; hoặc do xã trực tiếp tập huấn, hướng dẫn); tài liệu tập huấn.
8.2	Thuê bao sử dụng điện thoại thông minh			

⁷ Các nội dung 1, 2, 3, 4 do Bộ Thông tin và Truyền thông quy định cụ thể; Nội dung 5, 6 do UBND tỉnh quy định cụ thể.

	Xã có tỷ lệ dân số theo độ tuổi lao động có thuê bao sử dụng điện thoại thông minh đạt: Tối thiểu 50% đối với các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, hải đảo; Tối thiểu 80% đối với các xã còn lại.	Đạt	Dân số theo độ tuổi lao động có điện thoại di động thông minh/Tổng số người trong xã có điện thoại di động đạt: - Tối thiểu 50% đối với các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, hải đảo. - Tối thiểu 80% đối với các xã còn lại.	Danh sách dân số trong độ tuổi lao động có điện thoại thông minh theo từng thôn. Ví dụ: <u>Thôn 1</u> <i>(TT Họ và tên Có/không có ĐTTM Ghi chú </i> <i>Trưởng thôn ký Xã ký, đóng dấu</i>
8.3	Dịch vụ báo chí, truyền thông			
a	100% số thôn của xã khu vực đồng bằng có hệ thống loa hoạt động thường xuyên; 90% số thôn, bản của xã khu vực miền núi có hệ thống loa hoạt động thường xuyên	Đạt	- Xã có đài truyền thanh đáp ứng yêu cầu tại Nội dung 8.3 Phụ lục I Hướng dẫn này. - Các thôn, bản của xã có hệ thống loa riêng hoạt động thường xuyên, đạt tỷ lệ 100% đối với xã khu vực đồng bằng, 90% đối với xã khu vực miền núi.	- Bản sao Hồ sơ đầu tư đài truyền thanh. - Giấy phép sử dụng tần số (đối với Đài truyền thanh không dây FM) - Danh mục cụm loa (Tên thôn Số cụm) - Sơ đồ bố trí cụm loa trên nền bản đồ của xã (Bản A3 hoặc A4, bảo đảm rõ ranh giới thôn, vị trí cụm loa; In hoặc vẽ tay) - Danh mục hệ thống loa truyền thanh riêng của thôn.
b	100% số thôn trong xã có hộ gia đình thu xem được 01 trong số các phương thức truyền hình vệ tinh, cáp, số mặt đất, truyền	Đạt	100% hộ dân có nhu cầu thu xem truyền hình có thiết bị thu xem và thu xem được một trong số các phương thức truyền hình vệ tinh, truyền hình cáp, truyền hình số mặt đất, truyền hình qua mạng internet.	Danh sách hộ gia đình thu xem truyền hình (lập theo từng thôn) trong xã, có xác nhận của Trưởng thôn và của xã: Ví dụ:

	hình qua mạng internet			<p>Thôn 1: (TT Tên chủ hộ Phương thức truyền hình Ghi chú </p> <p>Trưởng thôn ký Xã ký, đóng dấu</p>
c	Có ít nhất một điểm cung cấp xuất bản phẩm	Đạt	Có địa điểm bố trí thuận lợi (điểm Bưu điện, Nhà văn hóa xã...) để người dân có thể đọc miễn phí các xuất bản phẩm thuộc một trong các hình thức: Xuất bản phẩm Bản giấy hoặc Xuất bản phẩm điện tử. Đối với hình thức Xuất bản phẩm điện tử, phải có ít nhất một máy tính lưu trữ danh mục các xuất bản phẩm điện tử; có kết nối internet	<ul style="list-style-type: none"> - Danh mục các điểm cung cấp xuất bản phẩm có xác nhận của chủ điểm, xác nhận của xã. - Ảnh chụp.
8.4 Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội				
a	Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của xã đạt tối thiểu 50%	Đạt	(Theo Hướng dẫn của Văn phòng UBND tỉnh tại Công văn số 1136/NPUB-KSTT ngày 25/11/2022)	
b	Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng số và an toàn thông tin đạt: Tối thiểu 80% đối với các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, hải đảo và 100% đối với các xã còn lại	Đạt	<ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ, công chức xã được bồi dưỡng, tập huấn ở các lớp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn (trực tiếp hoặc trực tuyến) do cấp Trung ương, tỉnh, huyện tổ chức, hoặc do xã tổ chức có mời các giảng viên có đủ uy tín, năng lực giảng dạy (giảng viên có thể từ doanh nghiệp hoặc cơ quan nhà nước). - Tỷ lệ: <ul style="list-style-type: none"> + Tối thiểu 80% đối với các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. + 100% đối với các xã còn lại. 	<ul style="list-style-type: none"> - Bản phô tô các văn bằng, chứng chỉ.... - Quyết định mở lớp, văn bản cử cán bộ tham gia. - Tài liệu bồi dưỡng, tập huấn. - Các tài liệu khác minh chứng rõ việc bồi dưỡng, tập huấn của CBCC xã.
c	Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được phổ biến kiến thức về sử dụng máy tính và kỹ năng số cơ bản đạt: Tối thiểu 50% đối với các xã vùng đồng	Đạt	<ul style="list-style-type: none"> - Người dân trong độ tuổi lao động được phổ biến kiến thức về sử dụng máy tính và kỹ năng số cơ bản qua các kênh trực tiếp (Hội nghị, hội thảo, hội họp, tọa đàm...) hoặc trực tuyến (truyền hình, nền tảng học trực tuyến, mạng xã hội...). - Tỷ lệ: Tối thiểu 50% đối với các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, hải đảo; Tối thiểu 70% đối với các xã còn lại. 	<p>(Đối với phương thức phổ cập nào, xã chuẩn bị các tài liệu theo phương thức phổ cập đó để minh chứng)</p> <p>Ví dụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống tài liệu phổ cập kỹ

	bào dân tộc thiểu số và miền núi, hải đảo; Tối thiểu 70% đối với các xã còn lại		<ul style="list-style-type: none"> - Một số cách thức triển khai (nhưng không giới hạn): + Tổ chức phổ biến tập trung, trực tiếp; + Tổ chức phổ biến trên các nền tảng học trực tuyến cho người dân; + Đăng tải tài liệu lên Cổng/trang TTĐT của xã (mở chuyên mục Phổ cập kỹ năng số); thông báo cho toàn thể người dân biết, truy cập, đọc, xem. + Thông qua các Tổ công nghệ số cộng đồng để truyền tải tài liệu phổ cập... 	<ul style="list-style-type: none"> năng số - Bản tin thông báo cho người dân nơi có tài liệu truy cập (Cổng/Trang TTĐT xã; mã QR chứa tài liệu dán tại các nhà văn hóa thôn, điểm công cộng...) - Hồ sơ hội nghị, tọa đàm...
d	100% sản phẩm OCOP của xã được giới thiệu, quảng bá trên nền tảng sàn thương mại điện tử	Đạt	Các sản phẩm OCOP đã được cơ quan có thẩm quyền chứng nhận đều được giới thiệu, quảng bá trên sàn TMĐT trong nước (hoặc cả trên sàn TMĐT nước ngoài nếu đủ điều kiện).	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy chứng nhận sản phẩm OCOP. - Địa chỉ sàn TMĐT quảng bá, giới thiệu sản phẩm. - Ảnh chụp sản phẩm được giới thiệu, quảng bá trên sàn TMĐT.
đ	100% hộ gia đình, cơ quan, tổ chức, khu di tích được thông báo, gắn biển địa chỉ số đến từng điểm địa chỉ	Đạt	<ul style="list-style-type: none"> - Việc thông báo, gắn biển địa chỉ số đến từng điểm địa chỉ được thực hiện theo Quyết định số 392/QĐ-BTTTT ngày 02/3/2022 phê duyệt Kế hoạch phát triển Nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số; Kế hoạch số 575/KH-UBND ngày 17/8/2022 của UBND tỉnh về triển khai Nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số trên địa bàn tỉnh Nghệ An)⁸. - Đề xuất cách thức thực hiện: 1- Lập danh sách các đối tượng địa chỉ số (hộ gia đình, cơ quan, tổ chức, khu di tích...) bao gồm các trường thông tin: Thứ tự, tên đối tượng, địa chỉ (chi tiết), tọa độ, số điện thoại, Email. 2- Phối hợp Bưu điện huyện, nhân viên điểm phục vụ bưu chính xã để thu thập thông tin đối tượng, điền vào bảng danh sách⁹. 3- Số hóa số liệu trên biểu Excel. Gửi danh sách về Sở Thông tin và Truyền thông (qua phòng Văn hóa và Thông tin) để phối hợp với Bưu điện tỉnh cập nhật, bổ sung dữ liệu thông tin địa chỉ số và thông báo địa chỉ số. 	<ul style="list-style-type: none"> Lập danh sách các đối tượng địa chỉ số: TT Tên đối tượng Địa chỉ Tọa độ (Kinh độ, Vĩ độ) Số điện thoại Email Lưu ý: - Tên đối tượng là nhà ở cá nhân, hộ gia đình hoặc cơ quan, tổ chức, các cơ sở dân sinh, KT-XH, khu, phân khu, lô, thửa đất... - Các trường thông tin số điện thoại, Email là các trường nâng cao, khuyến khích điền đầy đủ. - Việc xác định tọa độ có thể có thể tham khảo trên trang tìm

⁸ Sở Thông tin và Truyền thông sẽ có văn bản hướng dẫn thực hiện cụ thể nội dung này phù hợp với các hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.

⁹ Khuyến khích phát huy các Tổ công nghệ số cộng đồng; Đoàn thanh niên và các tổ chức trong địa bàn xã.

				kiểm Google.
8.5	Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng,...)			
a	Địa điểm có mạng wifi: Các điểm công cộng bắt buộc phải có mạng wifi miễn phí: UBND xã, Nhà văn hóa xã, Trạm Y tế; Các điểm công cộng khuyến khích có mạng wifi miễn phí; Trường học, nhà văn hóa thôn, các địa điểm du lịch cộng đồng, khu vui chơi giải trí công cộng, chợ, các cơ sở tôn giáo (chùa, nhà thờ) và các địa điểm khác do địa phương đề xuất	Đạt	Xã tự triển khai hoặc thuê, đề nghị doanh nghiệp cung cấp dịch vụ internet hỗ trợ triển khai, bảo đảm hoạt động ổn định, an toàn thông tin.	- Danh mục các điểm wifi miễn phí, số lượng thiết bị phát wifi/điểm. - Sơ đồ kết nối đối với từng điểm công cộng (Giấy A3 hoặc A4; in hoặc vẽ tay).
b	Mạng wifi phải đáp ứng chất lượng dịch vụ, các điều kiện kỹ thuật khai thác và bảo đảm an toàn thông tin theo các quy định hiện hành	Đạt		
15.1	<i>Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính</i>		(Do Văn phòng UBND tỉnh hướng dẫn)¹⁰	

¹⁰ Căn cứ Công văn số 406/VPUB-KSTT ngày 11/5/2023 của Văn phòng UBND tỉnh về việc phối hợp hướng dẫn thẩm tra, thẩm định một số nội dung tiêu chí NTM giai đoạn 2021-2025

PHỤ LỤC III**Hướng dẫn thực hiện các nội dung, tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu***(Kèm theo Hướng dẫn số /HD-STTTT ngày tháng năm 2023 của Sở Thông tin và Truyền thông)*

TT	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu tiêu chí	Hướng dẫn thực hiện	Tài liệu minh chứng
1	Đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025; đối với các xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2018-2020, phải tập trung rà soát, chỉ đạo thực hiện, đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn theo yêu cầu của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025	Đạt	Rà soát, củng cố bảo đảm hoàn thành các nội dung tiêu chí xã nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao theo Hướng dẫn này.	Củng cố, bổ sung hồ sơ minh chứng sau khi rà soát các nội dung xã NTM, NTM nâng cao
2	Có ít nhất một mô hình thôn thông minh	Đạt	Xã lựa chọn ít nhất một thôn để xây dựng mô hình thôn thông minh đạt các tiêu chí sau đây: - Về thiết chế, hạ tầng: + Có hạ tầng internet cáp quang và thông tin di động 4G/5G bao phủ đến hộ gia đình.	- Danh mục thôn có dịch vụ viễn thông, internet. - Danh sách các nhóm/tổ công nghệ số cộng đồng trong thôn. - Ảnh chụp các thiết bị phủ sóng wifi tại Nhà văn hóa thôn.

		<p>+ Có các nhóm/tổ công nghệ số cộng đồng tương tác, tương trợ lẫn nhau trong thôn.</p> <p>+ Có 100% nhà ở cá nhân, hộ gia đình; trụ sở, cơ sở, công trình xây dựng... trong thôn được triển khai địa chỉ số theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông¹¹.</p> <p>+ Nhà văn hóa thôn được phủ sóng wifi miễn phí (khuyến khích các địa điểm công cộng trong thôn được phủ sóng wifi miễn phí).</p> <p>+ 100% cơ sở kinh doanh, cá nhân buôn bán có tài khoản thanh toán không dùng tiền mặt, trong đó có ít nhất 70% cơ sở kinh doanh có dán mã QR hỗ trợ thanh toán không dùng tiền mặt.</p> <p>- Về con người:</p> <p>+ Cán bộ thôn có điện thoại thông minh, cài đặt và sử dụng thành thạo các ứng dụng, nền tảng số cơ bản (ví dụ: Trình duyệt Web, Zalo, VTVgo, NTVgo, VOV bacsy24...) để nắm bắt thông tin; tổ chức tuyên truyền đến người dân trong thôn.</p> <p>+ Ít nhất 90% người dân trong độ tuổi lao động có sử dụng điện thoại thông minh;</p> <p>+ 100% người dân trong độ tuổi lao động được phổ cập kỹ năng số, trong đó bao gồm kỹ năng sử dụng Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính để thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường mạng.</p> <p>- Về mô hình: Khuyến khích xây dựng ít nhất một mô hình ứng dụng công nghệ thông tin/chuyển đổi số thuộc một trong các lĩnh vực sau (nhưng không giới hạn): An ninh trật tự; an toàn giao thông; sản xuất - kinh doanh;</p>	<p>- Danh sách cơ sở kinh doanh, cá nhân buôn bán có tài khoản thanh toán không dùng tiền mặt.</p> <p>- Danh sách cơ sở kinh doanh có mã QR.</p> <p>- Danh mục người dân trong độ tuổi lao động có điện thoại thông minh (<i>Như hướng dẫn ở Phụ lục II</i>).</p> <p>- Hồ sơ minh chứng 100% người dân được phổ cập kỹ năng số (<i>Như hướng dẫn ở Phụ lục II</i>)</p> <p>- Các tài liệu, báo cáo về mô hình nổi trội.</p>
--	--	--	--

¹¹ Thực hiện theo điểm đ mục 8.4 Phụ lục II.

			<p>y tế; giáo dục; nông nghiệp; du lịch; năng lượng, chiếu sáng; môi trường; phát triển kinh tế - xã hội; phát triển thương hiệu, thị trường; truy xuất nguồn gốc sản phẩm (<i>Căn cứ đặc điểm tình hình cụ thể, Ủy ban nhân dân cấp huyện giao các ngành, lĩnh vực có liên quan có thể lựa chọn mô hình và hướng dẫn UBND xã, thôn thực hiện nội dung này</i>).</p>	
3	Đạt tiêu chí quy định xã nông thôn mới kiểu mẫu về chuyển đổi số ¹²	Đạt	<p>Xã đạt tiêu chí kiểu mẫu về chuyển đổi số:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chính quyền số: <ul style="list-style-type: none"> + Cơ sở vật chất về công nghệ thông tin phục vụ quản lý điều hành đồng bộ, bảo đảm an toàn thông tin. + Sử dụng hiệu quả, đạt chỉ tiêu theo quy định hàng năm và giai đoạn đối với các phần mềm dùng chung của tỉnh: Hệ thống quản lý văn bản và điều hành, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, Chữ ký số... + Có hệ thống đài truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông phủ sóng đến 100% các thôn, hoạt động ổn định. + Có phòng họp trực tuyến bảo đảm các điều kiện kỹ thuật theo quy định. + Có kênh giao tiếp trực tuyến với người dân. - Kinh tế số: <ul style="list-style-type: none"> + 100% cơ sở, hộ kinh doanh có tài khoản thanh toán không dùng tiền mặt; có dán mã QR hỗ trợ thanh toán không dùng tiền mặt. + Ít nhất 70% người trưởng thành trong xã có tài khoản thanh toán trực tuyến, có thể thanh toán các dịch vụ thiết yếu như điện, nước, viễn thông, học phí... 	<ul style="list-style-type: none"> - Danh mục CBCC có máy tính; sơ đồ kết nối mạng máy tính (mạng LAN); - Báo cáo trích xuất số liệu từ các hệ thống dùng chung: VNPT-iOffice, Một cửa điện tử... - Hồ sơ đài truyền thanh (<i>như hướng dẫn tại Phụ lục II</i>). - Ảnh chụp phòng họp trực tuyến, danh mục thiết bị kết nối. - Danh sách cơ sở, hộ kinh doanh có tài khoản thanh toán không dùng tiền mặt; có dán mã QR. - Danh sách người trưởng thành trong xã có tài khoản thanh toán trực tuyến. - Danh sách các phần mềm triển khai tại trường học, cơ sở y tế (theo triển khai của ngành giáo dục, y tế). - Hồ sơ phổ cập kỹ năng số

¹² Các nội dung nổi trội khác như về sản xuất, về giáo dục, về văn hóa, về du lịch, về cảnh quan môi trường, về an ninh trật tự... do ngành, lĩnh vực có liên quan hướng dẫn.

		<p>+ 100% sản phẩm OCOP, sản phẩm nông nghiệp chủ lực, sản phẩm đặc trưng của xã được giới thiệu, quảng bá trên sàn thương mại điện tử.</p> <p>- Xã hội số:</p> <p>+ 100% số thôn có các nhóm/tổ công nghệ số cộng đồng tương tác, tương trợ lẫn nhau.</p> <p>+ Tại các Trường học, Trạm y tế: Triển khai đầy đủ, hiệu quả các phần mềm theo hướng dẫn của ngành giáo dục, y tế phục vụ quản lý, dạy học và khám, chữa bệnh (có triển khai ứng dụng các phần mềm trực tuyến như dạy học trực tuyến, khám bệnh từ xa).</p> <p>+ 100% người dân trong độ tuổi lao động được phổ cập kỹ năng số, trong đó bao gồm kỹ năng sử dụng Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính để thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường mạng.</p> <p>- Có ít nhất 01 mô hình chuyển đổi số nổi trội thuộc lĩnh vực cụ thể do xã lựa chọn (thông tin, truyền thông, nông nghiệp, du lịch, văn hóa, môi trường, an ninh trật tự, y tế, giáo dục...).</p>	<p>cho người dân (<i>như hướng dẫn tại Phụ lục II</i>).</p> <p>- Bản sao Quyết định công nhận sản phẩm OCOP; danh mục SP OCOP, tên sản phẩm TMĐT giới thiệu, quảng bá; ảnh chụp màn hình đăng tải sản phẩm trên sàn.</p> <p>- Quyết định thành lập, danh sách các nhóm/tổ công nghệ số cộng đồng.</p> <p>- Thuyết minh mô hình nổi trội về chuyển đổi số.</p>
--	--	--	---

PHỤ LỤC IV**Hướng dẫn thực hiện các nội dung, tiêu chí về huyện nông thôn mới**

(Kèm theo Hướng dẫn số /HD-STTTT ngày tháng năm 2023 của Sở Thông tin và Truyền thông)

TT	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu tiêu chí	Hướng dẫn thực hiện	Tài liệu minh chứng
1	Có 100% số xã trên địa bàn đạt chuẩn nông thôn mới (đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn theo yêu cầu của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025)	Đạt	Rà soát, củng cố bảo đảm hoàn thành các nội dung tiêu chí xã nông thôn mới theo Hướng dẫn này.	Củng cố, bổ sung hồ sơ minh chứng sau khi rà soát các nội dung xã NTM.
2	Có ít nhất 10% số xã trên địa bàn đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao (đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn theo yêu cầu của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025)	Đạt	Rà soát, củng cố bảo đảm hoàn thành các nội dung tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao theo Hướng dẫn này.	Củng cố, bổ sung hồ sơ minh chứng sau khi rà soát các nội dung xã NTM nâng cao.
3	Có 100% số thị trấn trên địa bàn đạt chuẩn đô thị văn minh	Đạt	Thực hiện theo Hướng dẫn số 995/HĐ-STTTT ngày 20/6/2022 của Sở Thông tin và Truyền thông về thực hiện Tiêu chí số 5 về thông tin, truyền thông đô thị phục vụ xét công nhận đạt chuẩn đô thị văn minh	(Theo Hướng dẫn số 995/HĐ-STTTT của Sở Thông tin và Truyền thông)
4	Tỷ lệ hài lòng của người dân trên địa bàn đối với kết quả xây dựng nông thôn mới của huyện đạt từ 90% trở lên (trong đó có tỷ lệ hài lòng của người dân ở từng xã đối với kết quả thực hiện từng nội dung xây dựng nông thôn mới đạt	80%	(Thực hiện theo hướng dẫn về lấy ý kiến người dân)	Báo cáo đánh giá sự hài lòng của người dân (trong đó có đánh giá sự hài lòng của người dân đối với tiêu chí thông tin và truyền thông)

	từ 80% trở lên)			
5	Đạt các tiêu chí sau			
9.5	Có dịch vụ công trực tuyến một phần hoặc toàn trình	Đạt	- Thực hiện theo điểm c mục 8.4 Phụ lục I Hướng dẫn này áp dụng đối với toàn huyện. - Chỉ tiêu thực hiện tối thiểu (<i>tổng toàn trình và một phần</i>): Năm 2023: 30%; Năm 2024: 40%; Năm 2025: 50%.	(Theo điểm c mục 8.4 Phụ lục I).

PHỤ LỤC V

Hướng dẫn thực hiện các nội dung, tiêu chí về thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới

(Kèm theo Hướng dẫn số /HD-STTTT ngày tháng năm 2023 của Sở Thông tin và Truyền thông)

TT	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu tiêu chí	Hướng dẫn thực hiện	Tài liệu minh chứng
1	Có 100% số xã trên địa bàn đạt chuẩn nông thôn mới (đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn theo yêu cầu của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025)	Đạt	Rà soát, củng cố bảo đảm hoàn thành các nội dung tiêu chí xã nông thôn mới theo Hướng dẫn này.	Củng cố, bổ sung hồ sơ minh chứng sau khi rà soát các nội dung xã NTM.
2	Có ít nhất 01 xã trên địa bàn đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025	Đạt	Rà soát, củng cố bảo đảm hoàn thành các nội dung tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao theo Hướng dẫn này.	Củng cố, bổ sung hồ sơ minh chứng sau khi rà soát các nội dung xã NTM nâng cao.
3	Có 100% số phường trên địa bàn đạt chuẩn đô thị văn minh	Đạt	Thực hiện theo Hướng dẫn số 995/HĐ-STTTT ngày 20/6/2022 của Sở Thông tin và Truyền thông về thực hiện Tiêu chí số 5 về thông tin, truyền thông đô thị phục vụ xét công nhận đạt chuẩn đô thị văn minh	(Theo Hướng dẫn số 995/HĐ-STTTT của Sở Thông tin và Truyền thông)
4	Tỷ lệ hài lòng của người dân trên địa bàn đối với kết quả xây dựng nông thôn mới của thị xã, thành phố đạt từ 90% trở lên (trong đó có tỷ lệ hài lòng của người dân ở từng xã đối với kết quả thực hiện từng nội dung xây dựng nông thôn mới đạt từ 80% trở lên)	80%	(Thực hiện theo hướng dẫn về lấy ý kiến người dân)	Báo cáo đánh giá sự hài lòng của người dân (trong đó có đánh giá sự hài lòng của người dân đối với tiêu chí thông tin và truyền thông)

PHỤ LỤC VI

Hướng dẫn thực hiện các nội dung, tiêu chí về huyện nông thôn mới nâng cao

(Kèm theo Hướng dẫn số /HD-STTTT ngày tháng năm 2023 của Sở Thông tin và Truyền thông)

TT	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu tiêu chí	Hướng dẫn thực hiện	Tài liệu minh chứng
1	Là huyện đạt chuẩn nông thôn mới (đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn theo yêu cầu của Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025)	Đạt	Rà soát, củng cố bảo đảm hoàn thành các nội dung tiêu chí huyện nông thôn mới theo Hướng dẫn này.	Củng cố, bổ sung hồ sơ minh chứng sau khi rà soát các nội dung huyện NTM.
2	Có ít nhất 50% số xã trên địa bàn đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao (đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn theo yêu cầu của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025)	Đạt	Rà soát, củng cố bảo đảm hoàn thành các nội dung tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao theo Hướng dẫn này.	Củng cố, bổ sung hồ sơ minh chứng sau khi rà soát các nội dung xã NTM nâng cao.
3	Tỷ lệ hài lòng của người dân trên địa bàn đối với kết quả xây dựng nông thôn mới nâng cao của huyện đạt từ 95% trở lên (trong đó có tỷ lệ hài lòng của người dân ở từng xã đối với kết quả thực hiện từng nội dung xây dựng nông thôn mới nâng cao đạt từ 85% trở lên)	85%	(Thực hiện theo hướng dẫn về lấy ý kiến người dân)	Báo cáo đánh giá sự hài lòng của người dân (trong đó có đánh giá sự hài lòng của người dân đối với tiêu chí thông tin và truyền thông)
4	Đạt các tiêu chí sau			
8.9	Có mô hình xã, thôn thông minh			

a	Mô hình xã thông minh	Đạt	Thực hiện theo Hướng dẫn tại Công văn số 3445/BNN-VPĐP ngày 29/5/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn tạm thời về triển khai xây dựng mô hình thí điểm xã NTM thông minh, xã thương mại điện tử ¹³ .	(Sở TTTT sẽ hướng dẫn hồ sơ minh chứng phù hợp sau khi xã lựa chọn được mô hình thực hiện theo điểm 3.1 mục 3 Công văn số 3445/BNN-VPĐP).
b	Có mô hình thôn thông minh		Thực hiện theo Phụ lục III hướng dẫn này	(Theo Phụ lục III, mục 2 hướng dẫn này)
9.2	Có dịch vụ công trực tuyến toàn trình.		- Thực hiện theo điểm c mục 8.4 Phụ lục I Hướng dẫn này áp dụng đối với toàn huyện. - Chỉ tiêu thực hiện tối thiểu (<i>toàn trình</i>): Năm 2023: 40%; Năm 2024: 50%; Năm 2025: 60% (Lưu ý: Tỷ lệ này chưa bao gồm dịch vụ công trực tuyến một phần).	(Theo điểm c mục 8.4 Phụ lục I).

¹³ Trường hợp có hướng dẫn mới thay thế công văn này thì thực hiện theo hướng dẫn mới.